

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~180~~ ~~QĐ~~-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng chống thiên tai; lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; lĩnh vực Lâm nghiệp; lĩnh vực Thủy lợi, lĩnh vực Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 161/TTr-SNNPTNT ngày 29/6/2020; Tờ trình số 169/TTr-SNNPTNT ngày 06/7/2020 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số ..5A.../VPUB-TTPVHCC ngày 17/7/2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng chống thiên tai; lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; lĩnh vực Lâm nghiệp; lĩnh vực Thủy lợi; lĩnh vực Chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, công khai thực hiện;

- Rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh để sửa đổi hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế, bãi bỏ:

- Thay thế các thủ tục hành chính số 3, 7, 8, 9 Mục I, Phần I; thủ tục hành chính số 01 Mục I, Phần II - Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Ninh Thuận;

- Thay thế các thủ tục hành chính số 13, 14, 15, 16 Mục I, Phần A; thủ tục hành chính số 1, 2 Mục III, Phần A ban hành kèm theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y; lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; lĩnh vực Lâm nghiệp và lĩnh vực Phòng chống thiên tai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Thay thế thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận;

- Thay thế các thủ tục hành chính số 6, 7, 8, 9 Mục I, Phần A - Lĩnh vực Thủy lợi ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Ninh Thuận;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 5, 6 ban hành kèm theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. VTTT

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Xuân Vĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG  
LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI; LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT; LĨNH VỰC  
LÂM NGHIỆP; LĨNH VỰC CHĂN NUÔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN; ỦY BAN NHÂN DÂN  
CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số M80/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG  
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai</b>					
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận.	Không	Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-



	quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.				
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.	Không quy định	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-

## 2. Danh mục thủ tục hành chính thay thế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>				
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- 25 ngày làm việc đối với trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng,	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận.	Không	Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		vườn cây đầu dòng.			
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc	-Nhu trên-	500.000 đồng/ hồ sơ	Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) - 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	-Nhu trên-	200.000 đồng/ hồ sơ	-Nhu trên-
4	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát	47 ngày làm việc (Có bố trí đất để trồng rừng thay thế) hoặc 67 ngày làm việc (không còn quỹ	-Nhu trên-	Không	Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

	triển rừng cấp tỉnh	đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế)			và Phát triển nông thôn
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	35 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
3	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
<b>III Lĩnh vực Thủy lợi</b>					
1	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 và Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi	03 ngày làm việc	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-

	bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.				
3	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	- Sở NN & PTNT 25 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh 05 ngày làm việc.	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	- Sở NN&PTNT 10 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh 04 ngày làm việc.	-Nhu trên-	Không	-Nhu trên-
<b>IV Lĩnh vực Chăn nuôi</b>					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn	* Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn	Trung tâm Phục vụ	Không	Quyết định số 823/QĐ-BNN- CN



	<p>chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.</p>	<p>đậm đặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 25 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc</li> <li>+Thẩm định hồ sơ, thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế và cấp giấy chứng nhận: 25 ngày</li> </ul> </li> </ul> <p>* Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 10 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc;</li> <li>+ Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày</li> </ul> </li> </ul>	<p>hành chính công tỉnh</p>		<p>ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
--	---	---	-----------------------------	--	---

2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng:</li> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc</li> <li>+ Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận: 05 ngày.</li> </ul>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 25 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng:</li> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.</li> <li>+ Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận: 25 ngày.</li> </ul>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (hoặc) qua môi trường mạng:</li> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc</li> <li>+ Thẩm định và cấp lại giấy chứng nhận: 05 ngày.</li> </ul>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

**1. Danh mục thủ tục hành chính thay thế**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>					
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc	UBND huyện	Không	Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>					
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp.	UBND xã	Không	Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

